

Số: 54 /2015/QĐ-UBND

Long An, ngày 26 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của liên Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính tại Tờ trình số 1060/TTrLS-SKHCN-STC ngày 06/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài Chính và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NCKT;
- Lưu: VT, SKHCN, An.

DM XD DU TOAN KP KHCN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐÓNG CHỮ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nguyên

QUY ĐỊNH

Về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An
(Kèm theo Quyết định số 51 /2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN), định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An.

b) Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này là định mức áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở.

c) Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan có thẩm quyền quản lý, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

Các loại nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ.

Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng khoa học công nghệ cấp tỉnh, Hội đồng khoa học công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hội đồng khoa học) xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của Nhà nước.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo điểm c khoản 1, Điều 5 quy định này.

Chương II

NỘI DUNG CHI VÀ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh được quy định tại khoản 1, Điều 3 quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.
8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).
9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 5. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1.	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2.	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3.	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4.	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5.	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6.	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7.	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh đã quy định tại điểm a, b, c khoản 1, Điều 3 quy định này.

2. Định mức dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh:

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung của nhiệm vụ KH&CN, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

a) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có tổng kinh phí dự toán từ 400.000.000 đồng trở lên:

$$Tc = (Lcs \times Hstcn \times Snc) \times 80\%$$

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có tổng kinh phí dự toán dưới 400.000.000 đồng và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

$$Tc = (Lcs \times Hstcn \times Snc) \times 60\%$$

Trong đó:

- Tc: Dự toán tiền công của chức danh;
- Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định;
- Snc: Số ngày công của từng chức danh;
- Hstcn: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh được tính như sau:

S TT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày Hstcn= (Hcd x Hkh)/22
1.	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2.	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3.	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4.	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

3. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu:

a) Thuê chuyên gia trong nước:

- Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc.

+ Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có tổng kinh phí dự toán từ 400.000.000 đồng trở lên:

Tiền công thuê chuyên gia/ngày = (0,8 x Lcs) x 80%

+ Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có tổng kinh phí dự toán dưới 400.000.000 đồng:

Tiền công thuê chuyên gia/ngày = (0,8 x Lcs) x 60%

Trong đó Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 40.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

- Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

- Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

5. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của

nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

6. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu:

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 29/7/2010 của UBND tỉnh Long An quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài đến làm việc dự hội nghị, hội thảo trên địa bàn tỉnh Long An và chi tiêu tiếp khách trong nước và Quyết định số 60/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Long An quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Long An. Ngoài ra quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức áp dụng	Quy mô nhiệm vụ
1.	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.200	- Cấp tỉnh có tổng kinh phí dự toán (TKPDT) $\geq 400.000.000$ đồng
			900	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
2.	Thư ký hội thảo	Buổi hội thảo	400	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			300	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
3.	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.600	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			1.200	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
4.	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	800	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			600	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
5.	Thành viên tham gia hội thảo	Buổi hội thảo	160	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			120	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở

7. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

8. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

9. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN:

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

b) Kinh phí quản lý chung bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng.

10. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ KH&CN của thành viên các Hội đồng tư vấn KH&CN (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của đề tài, dự án.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng:

a) Chi tiền công:

Đơn vị: 1.000 đồng

S TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức áp dụng	Quy mô nhiệm vụ
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
	- Chủ tịch hội đồng	Hội đồng	800	- Cấp tỉnh
			600	- Cấp cơ sở
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		640	- Cấp tỉnh
			480	- Cấp cơ sở
	- Thư ký hành chính		240	- Cấp tỉnh
			180	- Cấp cơ sở
	- Đại biểu được mời tham dự		160	- Cấp tỉnh
		120	- Cấp cơ sở	
b	Chi nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	240	- Cấp tỉnh
			180	- Cấp cơ sở
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	- Cấp tỉnh
			300	- Cấp cơ sở
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, xét duyệt, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét duyệt, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			
	- Chủ tịch hội đồng	Hội đồng	1.200	- Cấp tỉnh có tổng kinh phí dự toán (TKPDT) ≥ 400.000.000 đồng
			900	- Cấp tỉnh có TKPDT < 400.000.000 đồng - Cấp cơ sở
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	- Cấp tỉnh có TKPDT ≥ 400.000.000 đồng
			600	- Cấp tỉnh có TKPDT < 400.000.000 đồng - Cấp cơ sở

S TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức áp dụng	Quy mô nhiệm vụ
	- Thư ký hành chính		240	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			180	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Đại biểu được mời tham dự		160	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			120	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
b	Chi nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	400	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			300	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			420	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN			
	- Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			420	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Thành viên tổ thẩm định		400	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			300	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Thư ký hành chính		240	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			180	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Đại biểu được mời tham dự		160	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			120	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			

S TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức áp dụng	Quy mô nhiệm vụ
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu			
	- Chủ tịch hội đồng	Nhiệm vụ	1.200	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			900	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			600	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Thư ký hành chính		240	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			180	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Đại biểu được mời tham dự		160	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			120	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
b	Chi nhận xét đánh giá			
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu nhận xét đánh giá	400	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			300	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	- Cấp tỉnh có TKPDT $\geq 400.000.000$ đồng
			420	- Cấp tỉnh có TKPDT $< 400.000.000$ đồng - Cấp cơ sở

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập:

Trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước tại Quyết định số 60/2010/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Long An.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu theo quy định này.

Điều 8. Lập, thẩm tra, phê duyệt và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và khung định mức chi tại quy định này để xây dựng dự toán và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN của Sở Khoa học và Công nghệ cùng với thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc lập, thẩm tra, phê duyệt và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật hiện hành khác.

3. Công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được thanh toán trực tiếp tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Long An.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và thống nhất với Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên